

# Xylanh tiêu chuẩn DSNA-N-4"- -

Số bộ phận: 8117047

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hành trình                            | 0.25 in...48 in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Ø pít tông                            | 4 "                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Ren thanh pít tông                    | 7/8-14 UNF-2A<br>3/4-16 UNF-2B<br>3/4-16 UNF-2A<br>1-14 UNS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Đệm                                   | Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Vị trí lắp đặt                        | bất kì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Tuân theo tiêu chuẩn                  | NFPA/T3.6.7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Đầu thanh piston                      | Ren ngoài<br>Ren trong                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Cấu trúc xây dựng                     | Pít tông<br>Cần piston<br>Thanh kéo<br>Thân vỏ xy lanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Phát hiện vị trí                      | cho các công tắc gần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Các biến thể                          | Mặt bích trên nắp khóa<br>Mặt bích trên nắp ổ trục<br>Gắn chân<br>Ren trong trên thanh piston<br>Ren đặc biệt trên thanh pít tông<br>Phần gắn mắt xoay trên nắp cuối<br>Ty pít tông liền mạch<br>Vị trí lắp xoay có vít<br>Cố định xoay trên nắp khóa<br>Chạc xoay trên nắp cuối<br>Đỉnh tán ở mặt tấm cuối<br>Đỉnh tán ở phía nắp ổ trục<br>Phạm vi nhiệt độ -5 - 80 °C<br>thanh pít-tông một mặt |
| Áp suất vận hành                      | 0.048 MPA...0.965 MPA<br>0.48 bar...9.65 bar<br>6.96 psi...139.925 psi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Nguyên tắc vận hành                   | tác động kép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| Đặc tính                                              | Giá trị                                               |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -5 °C...80 °C                                         |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 991 N                                                 |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luồng | 1059 N                                                |
| Kiểu gắn                                              | Gắn trực tiếp thông qua ren<br>với phụ kiện<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén                                      | 1/2 NPT                                               |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                         |
| Vật liệu phủ                                          | Nhôm đúc áp lực, tráng                                |
| Vật liệu của phốt                                     | FPM<br>NBR                                            |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép không gỉ hợp kim cao                             |
| Vật liệu vỏ xy lanh                                   | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mìn                        |